

## NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

# ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

TRẦN THỊ NGỌC\*

**TÓM TẮT:** Bài viết đề cập đến vấn đề đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Trong bài, tác giả trình bày những nội dung liên quan đến: khái niệm năng lực, năng lực sử dụng tiếng Việt, công cụ đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học. Theo tác giả bài viết, để đo được năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học cần có một bộ công cụ dùng để đánh giá trên các phương diện: Kiến thức tiếng Việt; Kỹ năng đọc; Kỹ năng viết; Kỹ năng nghe; Kỹ năng nói; Thái độ với tiếng Việt. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

**TỪ KHÓA:** đánh giá; năng lực; năng lực sử dụng tiếng Việt; học sinh tiểu học.

**NHẬN BÀI:** 1/6/2017. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 1/7/2017

## 1. Đặt vấn đề

Chương trình giáo dục tiểu học nhằm mục tiêu “giúp HS hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực” [1, tr.4]. Để đạt được mục tiêu đó, không thể không kể đến vai trò của môn tiếng Việt. Nó là môn học công cụ, giữ vị trí trung tâm góp phần phát triển một trong những năng lực quan trọng cho HS tiểu học đó là năng lực sử dụng tiếng Việt.

## 2. Nội dung

### 2.1. Năng lực sử dụng tiếng Việt

Năng lực là khả năng thực hiện thành công hoạt động trong một bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... Năng lực của cá nhân được đánh giá qua phương thức và kết quả hoạt động của cá nhân đó khi giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Trên cơ sở đó, có thể hiểu năng lực sử dụng tiếng Việt là khả năng huy động các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân của HS để truy cập, hiểu, phân tích và đánh giá thông tin, thể hiện những suy nghĩ và cảm xúc, trình bày ý kiến và tương tác với người khác. Tuyên bố Melbourne về các mục tiêu giáo dục cho trẻ Australia cho rằng, sử dụng ngôn ngữ là một năng lực cần thiết để HS có nền tảng cho sự thành công trong tất cả các lĩnh vực học tập. Trong chương trình dạy học của Australia, biết chữ nghĩa là phát triển kiến thức, kỹ năng và khuynh hướng để hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách tự tin cho việc học, giao tiếp ở trong, ngoài trường học và tham gia có hiệu quả trong xã hội.

Ở Việt Nam, năng lực sử dụng ngôn ngữ bao gồm năng lực sử dụng tiếng Việt, ngoại ngữ, tiếng dân tộc. Trong đó, năng lực sử dụng tiếng Việt có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Bởi “chỉ khi HS có năng lực sử dụng tiếng Việt thì mới có thể tư duy bằng tiếng Việt, biểu đạt tư duy bằng tiếng Việt một cách sáng rõ, có tính phê phán và sáng tạo, đồng thời mới có công cụ đắc lực để học các môn khác trong trường phổ thông” [2, tr.179].

Dựa vào mục “Chuẩn kiến thức, kỹ năng” của *Chương trình tiếng Việt ở tiểu học (Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học)* và khái niệm về năng lực, có thể xác định các thành tố của năng lực sử dụng tiếng Việt gồm: Kiến thức tiếng Việt; Kỹ năng đọc; Kỹ năng viết; Kỹ năng nghe; Kỹ năng nói; Thái độ với tiếng Việt.

### 2.2. Công cụ đánh giá năng lực sử dụng tiếng Việt cho HS tiểu học

Theo Nguyễn Thị Hạnh để đánh giá kiến thức tiếng Việt và kỹ năng đọc (kỹ năng đọc hiểu) cho HS tiểu học nên dựa vào các cấp độ nhận thức của Bloom và Anderson: Biết, Hiểu, Vận

\* ThS-NCS; Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: tranngoc1512288@gmail.com

dụng, Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo. Theo đó, thành tố kiến thức tiếng Việt và kỹ năng đọc (kỹ năng đọc hiểu) đối với HS tiểu học được đánh giá ở 3 cấp độ: Biết, Hiểu, Vận dụng. Dựa vào các tiêu chí của từng cấp độ nhận thức đó, người viết đề xuất các công cụ đánh giá cụ thể.

Thành tố	Tiêu chí đánh giá		Công cụ đánh giá	
Kiến thức tiếng Việt	Nhận biết	Nhận biết các quy tắc, khái niệm, nghĩa trực tiếp của từ, câu.	- Nhận biết các chữ cái, tổ hợp chữ cái, dấu thanh; bộ phận của tiếng... - Nhận biết các quy tắc: viết chính tả các chữ cái c/k, g/gh, ng/ngh; viết hoa	Trắc nghiệm khách quan
	Thông hiểu	- Phân biệt: loại từ, từ loại, nghĩa của từ theo các quy tắc, khái niệm. - Phân biệt kiểu loại câu theo quy tắc, khái niệm.	- Phân biệt được sự khác nhau về cấu tạo của từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy... - Phân biệt các mô hình câu kể: <i>Ai là gì? Ai làm gì? Ai như thế nào?</i>	Trắc nghiệm khách quan/Tự luận
	Vận dụng	- Thực hành dùng từ trong bối cảnh câu và đoạn. - Thực hành dùng câu trong bối cảnh đoạn. - Thực hành tự tạo ngôn bản chứa đựng các hiện tượng về từ, câu, chứa đựng các khái niệm đã học. - Vận dụng kiến thức đã học tạo ngôn bản giải quyết các tình huống trong đời sống, trong học tập.	- Tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ đã cho; kết hợp từ đã cho với các từ ngữ khác; tìm thêm từ có cùng yếu tố cấu tạo. - Đặt câu ghép theo mẫu; tìm các tục ngữ, thành ngữ theo chủ điểm. - Nói, viết câu có dùng các phép so sánh, nhân hóa.	Tự luận
Kỹ năng đọc (đọc hiểu)	Nhận biết	Nhận diện được những thông tin có liên quan đến văn bản	- Nhắc lại các chi tiết đã học trong bài đọc. - Phát hiện một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết có ý nghĩa trong bài thơ, bài văn được học.	Trắc nghiệm /tự luận
	Thông hiểu	- Hiểu ý nghĩa của các thông tin, biết kết nối các thông tin trong văn bản. - Nêu ý chính của đoạn, của bài đọc.	- Trả lời các câu hỏi về nội dung bài, đoạn. - Đặt đầu đề cho đoạn, bài. - Biết nhận xét một số hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc.	Tự luận
	Vận dụng	Vận dụng nội dung, ý nghĩa của văn bản vào cuộc sống, vào quá trình học tập.	Đưa ra các tình huống cụ thể trong cuộc sống, HS vận dụng kiến thức rút ra từ bài học để giải quyết các tình huống đó.	Tự luận

Với các thành tố: Kỹ năng đọc (kỹ năng đọc thông); Kỹ năng viết; Kỹ năng nghe và kỹ năng nói cần được đánh giá dựa trên mức độ thành thạo các kỹ năng của HS. Theo Nguyễn Thị Hạnh, kỹ năng đọc thông có thể đánh giá trên các tiêu chí: âm lượng của giọng, tốc độ đọc, độ đúng của phát âm, độ lưu loát và độ biểu cảm; kỹ năng nói căn cứ vào các tiêu chí: âm lượng và phát âm, độ đúng về dùng từ và đặt câu, độ lưu loát, tập trung vào ý chính, chú ý đến người nghe. Trên cơ sở đó, có thể xác định các tiêu chí và công cụ đánh giá cụ thể cho kỹ năng đọc thông và kỹ năng nói như sau:

Thành tố	Tiêu chí đánh giá		Công cụ đánh giá
Kĩ năng đọc (đọc thông)	Âm lượng đọc	Phù hợp với bối cảnh đọc, đủ nghe	Phiếu quan sát
	Tốc độ đọc	Lớp 1: 30 chữ/phút Lớp 2: 50-60 chữ/phút Lớp 3: 90 chữ/phút Lớp 4: 100 chữ/phút Lớp 5: 120-140 chữ/phút	
	Độ đúng của phát âm	Lớp 1: Đọc rõ từng tiếng, từ, câu; Lớp 2: Đọc liền mạch những từ có nhiều tiếng, cụm từ trong câu; đoạn trọn đoạn, bài đơn giản. Lớp 3: Đọc đúng, rõ ràng rành mạch các văn bản nghệ thuật, hành chính, báo chí có độ dài khoảng 200 chữ. Lớp 4: Đọc đúng, rõ ràng rành mạch các văn bản nghệ thuật, hành chính, báo chí có độ dài khoảng 250 chữ. Lớp 5: Đọc đúng, rõ ràng rành mạch các văn bản nghệ thuật, hành chính, báo chí có độ dài khoảng 250-300 chữ.	
	Độ lưu loát	Đọc trôi chảy, biết ngắt nghỉ ở chỗ có dấu câu.	
	Độ biểu cảm	- Biết đọc phân biệt lời thoại của các nhân vật và người dẫn truyện. - Biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn phù hợp với nội dung của từng đoạn.	
Kĩ năng nói	Âm lượng và phát âm	- Âm lượng phù hợp với bối cảnh giao tiếp, đủ nghe. - Phát âm: theo chuẩn	Phiếu quan sát
	Độ đúng về dùng từ và đặt câu	Lựa chọn từ ngữ, câu phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể.	
	Độ lưu loát và biểu cảm	Trình bày rõ ràng, mạch lạc, giọng nói có điểm nhấn thể hiện được cảm xúc của người nói.	
	Tập trung vào ý chính	Nội dung bài nói cần tập trung vào các ý chính, tránh lạc đề	
	Chú ý đến người nghe	Nhìn vào người nghe khi nói	

Căn cứ vào mức độ thành thạo kĩ năng của HS, người viết xác định các tiêu chí đánh giá đối với kĩ năng nghe gồm: Ghi nhớ thông tin, Hiểu thông tin và Phản hồi, đánh giá về thông tin. Trên cơ sở đó, công cụ được sử dụng để đánh giá kĩ năng nghe là câu hỏi (bài tập) trắc nghiệm khách quan/tự luận.

Thành tố	Tiêu chí đánh giá		Công cụ đánh giá
Kĩ năng nghe	Ghi nhớ thông tin	- Chép lại chính xác một đoạn văn bản đã nghe. - Ghi lại những thông tin, nội dung chính của một đoạn, văn bản.	Trắc nghiệm khách quan / Tự luận
	Hiểu thông tin	Trả lời được các câu hỏi liên quan đến bài nghe.	
	Phản hồi, đánh giá thông tin	Đưa ra ý kiến nhận xét về các thông tin trong bài nghe; phản hồi về các thông tin, chi tiết trong bài nghe.	

Kĩ năng viết trong *Chương trình tiếng Việt ở tiểu học* gồm viết chữ, viết chính tả, viết đoạn, bài văn. Tuy mỗi nội dung có những tiêu chí đánh giá khác nhau song đều sử dụng công cụ đánh giá chung là câu hỏi (bài tập) tự luận.

Thành tố	Tiêu chí đánh giá		Công cụ đánh giá
Kĩ năng viết	Viết chữ	Viết đúng đúng kĩ thuật: kiểu chữ, cỡ chữ	Tự luận
	Viết chính tả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp 1: bài viết khoảng 30 chữ, tốc độ 30 chữ/15 phút, không mắc quá 5 lỗi. (hình thức nhìn - viết)</li> <li>- Lớp 2: bài viết khoảng 30 chữ, tốc độ 50 chữ/15 phút, không mắc quá 5 lỗi. (hình thức nhìn - viết, nghe - viết)</li> <li>- Lớp 3: bài viết khoảng 30 chữ, tốc độ 60-70 chữ/15 phút, không mắc quá 5 lỗi. (hình thức nghe - viết, nhớ - viết)</li> <li>- Lớp 4: bài viết khoảng 30 chữ, tốc độ 80-90 chữ/20 phút, không mắc quá 5 lỗi. (hình thức nghe - viết, nhớ - viết)</li> <li>- Lớp 5: bài viết khoảng 30 chữ, tốc độ 100 chữ/20 phút, không mắc quá 5 lỗi. (hình thức nghe - viết, nhớ - viết)</li> </ul>	
	Viết đoạn, bài văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: Đoạn văn có câu chủ đề; bài văn có cấu trúc 3 phần; các đoạn, các câu có sự liên kết chặt chẽ; có cách dùng từ, đặt câu, sử dụng hình ảnh, chi tiết mang tính sáng tạo; đúng hình thức của loại văn bản theo yêu cầu. (đơn, biên bản, báo cáo, thư, miêu tả, tự sự...)</li> <li>- Nội dung: đúng nội dung yêu cầu trong đề bài, không lạc đề.</li> </ul>	

Để xác định công cụ đánh giá thái độ của người học với tiếng Việt, trước hết cần chỉ ra các tiêu chí đánh giá thái độ với tiếng Việt của HS. Dựa vào thang phát triển tình cảm, cảm xúc của Krathwolf, có thể đánh giá trên các phương diện sau: sự sẵn sàng, sự đáp lại, khả năng đánh giá.

Thành tố	Tiêu chí đánh giá		Công cụ đánh giá
Thái độ với tiếng Việt	Sự sẵn sàng	Người học sẵn sàng nghe, nhận thông tin, ý tưởng mới, nhưng chưa có quyết định về độ giá trị của thông tin.	Phiếu quan sát
	Sự đáp lại	Người học chủ động tham gia và tương tác với thông tin mới, các quy trình mới mà không nhất thiết phải đồng ý hoặc xác nhận.	
	Đánh giá	Người học có khả năng nhìn ra được giá trị của thông tin mới và quy trình mới.	

Ví dụ minh họa:

*Phiếu quan sát kĩ năng nói cho học sinh lớp 3 (độ dài văn bản nói khoảng 300 chữ)*

Mức độ	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
Âm lượng Điểm: 1,0	Quá nhỏ/quá to 0	Có thể nghe được dù hơi nhỏ 0,25	Đủ nghe 0,5	To, rõ ràng 1,0
Phát âm Điểm: 2,0	Có 5-7 lỗi về phát âm tiếng, từ 0,5	Có 3-5 lỗi về phát âm tiếng, từ 1,0	Có 1-3 lỗi về phát âm tiếng, từ 1,5	Có 0 lỗi về phát âm tiếng, từ 2,0
Dùng từ, đặt câu Điểm: 2,0	Có 5-7 lỗi về dùng từ, đặt câu 0,5	Có 3-5 lỗi về dùng từ, đặt câu 1,0	Có 1-3 lỗi về dùng từ, đặt câu 1,5	Có 0 lỗi về dùng từ, đặt câu 2,0
Độ lưu loát Điểm: 1,0	Có 5-7 lỗi về nói liền mạch từ và cụm từ, ngắt hơi 0,25	Có 3-5 lỗi về nói liền mạch từ và cụm từ, ngắt hơi 0,5	Có 1-3 lỗi về nói liền mạch từ và cụm từ, ngắt hơi 0,75	Có 0 lỗi về nói liền mạch từ và cụm từ, ngắt hơi 1,0

Độ biểu cảm Điểm: 1,0	Có 5-7 lỗi nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng 0,25	Có 3-5 lỗi nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng 0,5	Có 1-3 lỗi nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng 0,75	Có 0 lỗi nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng 1,0
Tập trung vào ý chính Điểm: 2,0	Lạc đề 0	Có 3-5 lỗi không tập trung vào ý chính 0,75	Có 1-3 lỗi không tập trung vào ý chính 1,5	Có 0 lỗi không tập trung vào ý chính 2,0
Chú ý đến người nghe Điểm: 1,0	Không chú ý vào người nghe khi nói 0	Có 3-5 lần không chú ý vào người nghe 0,25	Có 1-3 lần không chú ý vào người nghe 0,75	Có 0 lần không chú ý vào người nghe 1,0

Công cụ đánh giá được xác định phụ thuộc vào bản chất của từng loại năng lực cần đánh giá. Trong mỗi năng lực cần đánh giá có thể sử dụng nhiều công cụ, mỗi công cụ có những ưu điểm riêng. Với năng lực sử dụng tiếng Việt, các công cụ được sử dụng chủ yếu là câu hỏi, bài tập trắc nghiệm khách quan/tự luận; phiếu quan sát.

### 3. Kết luận

Năng lực sử dụng tiếng Việt được xác định là một trong hai năng lực chuyên biệt cấu thành môn tiếng Việt - Ngữ văn. Để hình thành năng lực này, nếu người giáo viên chỉ quan tâm đến khâu ra đề là chưa đủ, điều quan trọng là cần kết hợp các tiêu chí và công cụ đánh giá trên để xây dựng các đề kiểm tra và đáp án chấm cụ thể, chi tiết, theo định hướng phát triển năng lực người học. Chỉ như vậy, người giáo viên mới có thể đánh giá được chính xác năng lực sử dụng tiếng Việt của HS, đồng thời thấy rõ những điểm hạn chế ở người học để từ đó tìm ra giải pháp khắc phục.

(1) Bộ GD & ĐT (2016), Dự thảo *Chương trình giáo dục phổ thông - chương trình tổng thể*, Hà Nội.

(2) Nguyễn Lộc, Nguyễn Thị Lan Phương, Đặng Xuân Cương, Trịnh Thị Anh Hoa, Nguyễn Thị Hồng Vân (2016), *Phương pháp, kỹ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, Nxb Giáo dục.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD & ĐT (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thúy Hồng, Trần Thị Hiền Lương, Vũ Nho, Nguyễn Thị Phương Thảo, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), *Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ tiểu học*, Nxb Giáo dục.
4. Nhóm tác giả (2007), *Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học tập 1*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. Lê Xuân Thái (1999), *Tiếng Việt trong trường học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Đình Trung, Phan Thị Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm.

**Abstract:** The ability to use Vietnamese is defined as one of two specialized abilities that make up *Vietnamese - Literature*. To form this capacity, it is important to incorporate criteria and tools in order to develop exam topics and assessment answers. Only then can the teacher accurately assess the learner's ability to use Vietnamese, while clearly identifying shortcomings of the learner in order to find out suitable solutions.

**Key words:** assess; ability; primary school students; Vietnamese language.